

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: Aug 1989

(A) BASIC IDENTIFICATION CARD

1. name: HỒ VĂN HAI
2. other name: (none)
3. Date and place of Birth: 7 April 1939, Khánh Hậu village
Tân An, Long An province
4. Residence address Khánh Hậu village, Tân An Town
Long An province.
5. Mailing address Ngõ anh Tuấn 585/42 Nguyễn đình Chiểu
Phường 8, Quận 3, Hồ chí Minh City.
6. Current occupation Farmer

(B) RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Name	Date/place of Birth	Sex	M/S	Relationship
1. <u>Trần thị Cúc</u>	<u>20 Aug 1952 Vĩnh Long prov</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>wife</u>
2. <u>Hồ hiếu KTHường</u>	<u>1968 Long An province</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>son</u>
3. <u>Hồ thị Mỹ Linh</u>	<u>1970 Long An province</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>
4. <u>Hồ thị Mỹ Anh</u>	<u>1972 Long An province</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>
5. <u>Hồ thị Mỹ Đan</u>	<u>1972 Long An province</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>

(C) RELATIVE OUTSIDE VIETNAM (none)

(D) COMPLETE FAMILY LISTING (Living / Dead)

Name	Address
1. <u>Hồ văn Đức</u>	<u>father, SMT of RVNAF. Died in 1975</u>
2. <u>Kiều thị Huyền</u>	<u>mother, Died in 1982</u>
3. <u>Hồ văn Ba</u>	<u>brother. 2LT of RVNAF. Khánh Hậu village, Tân An</u>
4. <u>Hồ Kim Loan</u>	<u>sister. Tân Kim village, Cần Giuộc district, Long An</u>
5. <u>Hồ thanh Cầm</u>	<u>brother. CFC of RVNAF, Khánh Hậu village, Tân An</u>
6. <u>Hồ thanh Xuân</u>	<u>brother. 7th Inf Div, RVNAF. died on the job in</u> <u>OCT 1972</u>
7. <u>Hồ thanh Hùng</u>	<u>brother. Mộc Hóa district, Long An province</u>
8. <u>Hồ Kim Cúc</u>	<u>sister. 11 Nguyễn-thái Học Street, Tân An Town</u> <u>Long An province</u>

(E) EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Interpreter, U.S. MACV # 96 Định Tường Province

(F) SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: Hồ Văn Hải
2. Date from 3 Nov 1964 to 30 April 1975
3. Last rank MSG SN: 59/190.533
4. Ministry (office) military unit Kiên Phong Sector. Artillery Air Warning Team.
5. Name of Supervisor Maj Nguyễn Văn Tốt. Sector Artillery Commander
6. Reason for leaving the event of 30 April 1975
7. Names of American Advisors
 - LTC Johnson. Định Tường province (1969) Sr Advisor
 - Maj Joyce. Chợ Gạo district. Sr Adv. Định Tường province
 - Maj Mc Daniel. Bến Tranh district, Sr Adv. Định Tường province
 - Maj Nabb. Bến Tranh district, Sr Adv. Định Tường province
8. U.S. Training course in VN English Language Course
9. U.S. Award or Certificate U.S. Army Commendation

(G) TRAINING OUTSIDE VN OF YOU OR YOUR SPOUSE (none)

(H) RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in Re-education Hồ Văn Hải
2. Total time in Re-education from to one month?
3. Still in Re-education: (none)

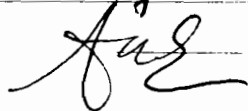
(I) ANY ADDITIONAL REMARKS

Interpreter of Mr Thompson, Bến Tranh district. Advisor for U.S.D program.

All documents attached to this

- 1. Marriage Certificate (01 copy)
- 2. Birth Certificate (04 copies)
- 3. Release Certificate (01 copy)

Signature



Date

88: 367/68

QUYẾT - ĐỊNH

- Căn-cứ vào điều 9 của Bản Tuyên-bố của Chính-phủ Cách-Mạng Lâm-thời Cộng-hòa Miền-Nam Việt-Nam về Chính-sạch đối-với vùng mới giải-phóng.
- Căn-cứ vào Bản công-bố Chính-sách 13 điều đối-với những Sĩ quan, Hạ sĩ-quan, binh-lính ngụy và nhân-viên trong bộ máy Chính-quyền của Mỹ-Ngụy.

Căn-cứ vào thái-độ ăn-năn Hồi-cải của Anh *Hồ. văn. Hải*

Xét đề-nghị của UB. ND. CM *Khánh Hậu*
UB. ND. CM *Nguyễn Văn Khoa*

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1.- Tổ chế cho Anh : *Hồ văn Hải* tuổi 1939

Quê-quận :
Trú-quận : *Ấp Dinh*
Dân-tộc : *Kinh*
Thế căn-cứoc số :

Được phục-hồi quyền công-dân.

Điều 2.- Anh : *Hải* còn phải tiếp-tục lao-động cải-tạo bản-thân, chấp-hành tốt các Chũ-trường Chính sách ở địa phương, tham-gia đóng góp công-tác nghĩa vụ ở địa phương, chống mọi hành-động có phương-hại đến Cách-Mạng và nhân-dân.

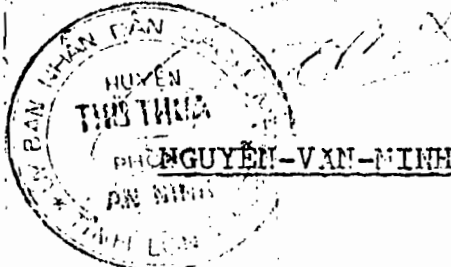
Điều 3.- Chính-quyền Xã, ấp, đoàn-thể địa phương tiếp-tục giúp Anh : *Hải* để anh làm tròn nhiệm-vụ người công-dân của nước Độc-Lập.

Điều 4.- Anh *Hải* và cơ-quan An-Ninh Xã chiếu quyết-định thi-hành.

Điều 5.- Quyết-định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ-Thừa, ngày 28 tháng 4 năm 1976

ỦY-BAN NHÂN-DÂN CÁCH-MẠNG
TRƯỞNG-BAN AN-NINH H.AT



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG AN.

QUẬN Thủ Thừa.

XÃ Khánh Hậu.

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1970.

Số hiệu (107)

Tên, họ đứa trẻ : Hồ-thuy-Mỹ-Linh.

Nam hay Nữ : Nữ.

Sanh ngày tháng năm : ngày 30 tháng 4 năm 1970.

Tại : Xã Khánh Hậu.

Tên họ Cha : Hồ-văn-Hai.

Tuổi : 31 tuổi

Nghề nghiệp : Quân nhân

Cư trú tại : Xã Khánh Hậu

Tên, họ Mẹ : Trần-thị-Cúc.

Tuổi : 18 tuổi

Nghề nghiệp : Nội trợ

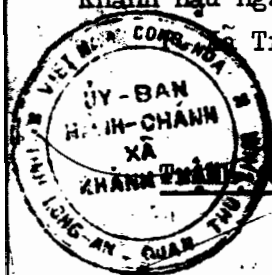
Cư trú tại : Xã Khánh Hậu

Vợ chánh hay thứ : vợ chánh.

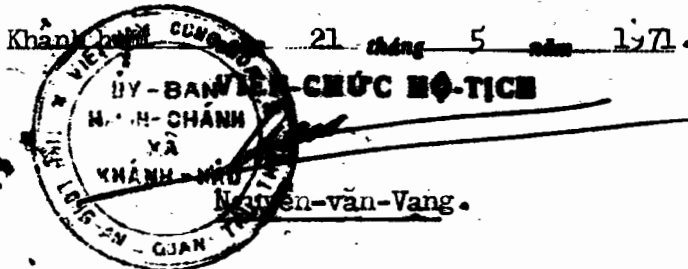
KIẾN-THỊ.

Khánh Hậu ngày 21-5-1971,

Trưởng.HC.



Trích y bản chính





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **300425462**

Họ tên: **HỒ-KIM-CÚC**



Sinh ngày: **1961**

Nguyên quán: **Khánh-hậu**

Ben-thu, long-an,

Nơi thường trú: **Khánh-hậu**

Ben-thu, long-an,

Dân tộc: kinh Tôn giáo: Khg

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

sẹo thẹo dcm ccm
dưới sau mệp trái



NGÓN TRỎ PHẢI



03 năm 1980

ÔNG TY CÔNG AN
NG TV

Nguyễn Văn Long

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

MIỀN THỊ-THỰC

Do Văn-Thư số 4.388 - BNV/MC/29

Ngày 3-8-1970 của Bộ-Nội-Vụ

TỈNH LONG AN
QUẬN Thủ Thừa
XÃ Khánh Hậu

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1971

Số hiệu (289)

Tên, họ đứa trẻ : HỒ-thủy-mỹ-ANH (Song-thơ)
Nam hay Nữ : Nữ
Sanh ngày tháng năm : ngày 29 tháng 12 năm 1971
Tại : Xã khánh hậu
Tên họ cha : HỒ-văn-HAI
Tuổi : 32 tuổi
Nghề nghiệp : Quân nhân
Cư trú tại : Xã khánh hậu
Tên họ Mẹ : TRẦN-thị-CÚC
Tuổi : 19 tuổi
Nghề nghiệp : Nội trợ
Cư trú tại : Xã khánh hậu
Vợ chánh hay thứ : Vợ chánh

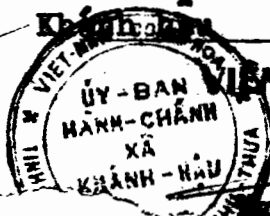
Ngày 22 tháng 11 năm 1971 (tính theo lịch âm)

Chứng chữ ký tên của UVHT
ngang đây

Khánh Hậu, ngày 25 / 10 / 1972.

XÃ TRƯỞNG.

Trích y bản chính



ngày 25 tháng 10 năm 1972.

VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH

Trần Văn Vàng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Long-an

QUẬN Thủ-Thủy

XÃ Khánh-Hậu

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1968

Số liệu 125

Tên, họ đứa trẻ: Hồ hữu Khương

Nam hay Nữ: Nam

Sanh ngày tháng năm: 22/5/1968

Tại: Khánh-Hậu

Tên họ Cha: Hồ văn Hai

Tuổi: 29 tuổi

Nghề nghiệp: Quân nhân

Cư trú tại: Khánh-Hậu

Tên, họ Mẹ: Trần thị Cúc

Tuổi: 16 tuổi

Nghề nghiệp: Nội-trợ

Cư trú tại: Khánh-Hậu

Vợ chánh

NGUYỄN-KHẾC Vợ chánh hay thứ
Chức vụ Phòng Hành chính Tổng Quốc

Trích y bản chính



Khánh-Hậu ngày 10 tháng 7 năm 1969
VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

[Handwritten signature]

T-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG AN.
QUẬN Thủ Thừa
XÃ Khánh Hậu.

MIỀN THỊ-THỰC

Do Văn-Thư số 4.366 - BNV/HG/29
Ngày 3-8-1970 của Bộ-Nội-Vụ

²
BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1971.

Số hiệu (290)

Tên, họ đưa trẻ : ~~Hồ-thủy-cử~~ ~~Đào~~ (song thời
nữ.
Nam hay Nữ : _____
Sanh ngày tháng năm : ngày 22 tháng 12 năm 1971.
Tại Xã Khánh Hậu
Tên họ cha : Hồ-văn-HAI.
Tuổi : 32 tuổi
Nghề nghiệp : Quản nhân
Cư trú tại : Xã Khánh Hậu
Tên họ Mẹ ~~Trần-thị-Đức.~~
Tuổi : 19 tuổi
Nghề nghiệp : Nội trợ
Cư trú tại : Xã Khánh Hậu
Vợ chánh hay thứ : Vợ chánh.

Chứng chữ ký tên của UVHT
ngang đây

Khánh Hậu ngày 21 / 10 / 1972.

Trích y bản chánh

Khánh Hậu tháng 10 năm 1972

VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH

Khánh Hậu-Văn-Tốt.

TỈNH LONG-AN

QUẬN: Thủ-ThừaXÃ: Khánh-Hậu

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THU HÔN - THƯ

Số hiệu: 34Tên, họ người chồng Hồ văn Hainghề nghiệp Quân nhânsinh ngày 07 tháng 4 năm 1939tại Khánh-Hậu, Đồng amcư sở tại -nt-tạm trú tại -nt-Tên họ cha chồng Hồ văn Dục (s)

(Sông chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Kiều thị Huỳnh (s)

(Sông chết phải ghi rõ)

Tên họ người vợ Trần thị Cúcnghề nghiệp Nội-trợsinh ngày 20 tháng 8 năm 1952tại Phước-Hu, Vĩnh Longcư sở tại -nt-tạm-trú tại -nt-Tên, họ cha vợ Vô danh

(Sông chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Trần thị Chính (s)

(Sông chết phải ghi rõ)

- Ngày cưới 11/4/1968

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Chủ Sở Phòng Hành Chánh Long An

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày _____ tháng _____ năm _____

tại _____

Trích y bản chính

Khánh-Hậu, ngày 10 tháng 7 năm 1969

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

Nguyễn-văn-Tốt

CONTROL

____ Card
____ A Doc Request Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter